TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:22/2025/HNGĐ - ST
Ngày 02 - 4 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Hội;
2. Ông Trần Vân Dũng.

Thư ký phiên toà: Ông Lã Minh Hiếu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 291/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20b/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị V**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn 9, xã ML, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: **Anh Lê Văn C,** sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn 9, xã ML, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái năm 2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Chị V và anh C có một con chung là Lê Anh Kh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015, hiện đang ở cùng anh C hiện tại Thôn 9, xã ML, huyện LY, tỉnh YB, sau khi ly hôn chị V có quan điểm, giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khôi cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, chị V cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:

Anh công nhận lời trình bày của chị V về thời gian, địa điểm kết hôn là đúng, anh và chị V chung sống hạnh phúc đến năm 2017 do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị V có yêu cầu xin ly hôn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị V có một con chung là Lê Anh Kh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015, nếu ly hôn anh C đồng ý với quan điểm của chị V, anh C trực tiếp nuôi con chung, chị V cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Lê Văn C; giao con chung là Lê Anh Khôi, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng.

Về án phí: Chị Hoàng Thị V, anh Lê Văn C mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, chị V phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị V, do

bị đơn anh C có hộ khẩu thường trú tại Thôn 9, xã ML, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V, anh C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V, anh Lê Văn C kết hôn 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 8, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị V, anh C, năm 2024 chị V, anh C phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Trên thực tế vợ chồng chị V, anh C thường xảy ra mâu thuẫn, anh C xác nhận tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V, anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Lê Văn C.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị V anh C có một con chung Lê Anh Khôi, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015, hiện đang ở cùng anh C tại Thôn 9, xã ML, huyện LY, tỉnh YB. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của anh C được trực tiếp nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi anh chị ly thân, con chung đang sinh sống ổn định cùng bố tại thôn Thôn 9, xã ML, huyện LY, tỉnh YB. Hiện nay anh C có nơi ở và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con, nguyện vọng của cháu Khôi được ở với bố. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập, cũng như không ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh C, giao cháu Lê Anh Kh cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/1 tháng, anh C đồng ý với quan điểm của chị V nên chị V cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị V, anh Lê Văn C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thi V được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về nuôi con chung: Anh Lê Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Anh Kh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2015, chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* trên một tháng tính từ tháng 5 năm 2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi.

Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Chị Hoàng Thị V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải nộp 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2023/0001952 ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, chị V được trả lại 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí đã tạm ứng.* Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh C phải nộp 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm chị V, anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Mường Lai;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Mường Lai;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh